

Bản án số: 189/2024/HS-PT

Ngày 14/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Thẩm phán: Ông Mai Văn Quang;

Ông Đinh Quốc Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quang Anh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thuý Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2024/TLPT-HS ngày 31/01/2024 do có kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 165/2023/HSST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: **Bùi Ngọc T**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học phổ thông: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Ngọc A (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1966; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2023 đến nay tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Bùi Tiến Soạn và luật sư Nguyễn Văn Thông- Văn phòng luật sư Đông Hà, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (đều có mặt).

Bị hại: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc T và Nguyễn Văn G, sinh năm 1990, trú tại: thôn X, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội, có mối quan hệ bạn bè. Từ cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, T có cho G vay nhiều lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, nhiều lần T đòi nợ, nhưng G chỉ hứa trả chứ không trả nợ.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/7/2023, T tiếp tục gọi điện cho G để đòi tiền, nhưng G tắt máy, không nghe điện thoại. Bực tức vì gọi điện thoại G tắt máy, không đòi được tiền nợ, nên T lấy 01 con dao bầu dài 35cm, chuôi gỗ, mũi nhọn tại bếp của gia đình mình giấu trong người và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS: 16M5-8614 của mình đi đến nhà anh G đòi nợ. Đến nơi, T nhìn thấy trong nhà G có 03 người ở nhà gồm: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 (mẹ đẻ G), các con trai anh G, cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 07/4/2014 và cháu Nguyễn Hải S, sinh ngày 08/8/2016 đang ngồi trước cửa nhà. T nảy sinh ý định chụp ảnh quay video cảnh uy hiếp khống chế con của anh G để buộc G phải trả nợ. T bảo cháu D và S “lên phòng của bố mẹ lấy chiếc đồng hồ cho bố để quên ở nhà”, do biết T là bạn G nhiều lần đến nhà chơi với gia đình anh G, nên cháu D và cháu S nghe lời. Cháu S lên trước tìm đồng hồ, cháu D đi lên sau. Thấy 02 cháu đi lên tầng 3, T đi lên theo, khi bước lên đến sân nghỉ tầng 2 thì gặp cháu D và S từ tầng 3 đi xuống. T rút trong người ra con dao bầu cầm bằng tay phải, còn tay trái tóm tay cháu D kéo lên phòng ngủ tầng 3, T bảo cháu D đứng im trong phòng, còn T giơ dao bầu lên, rồi dùng điện thoại di động của mình chụp ảnh hình cháu D và con dao bầu, sau đó T gửi hình ảnh qua mạng xã hội “zalo” cho anh G và chị Đỗ Thị L (vợ G) biết con trai đang bị khống chế, nguy hiểm có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, để phải trả tiền vay nợ cho T. Lúc này anh G đang điều khiển xe ô tô đi Thái Nguyên chở hàng và chị Thủy đang đi làm ở Công ty may KK, thì nhận được tin nhắn kèm hình ảnh của T vừa gửi, quá hoảng sợ và lo lắng cho sức khỏe của con trai mình, nên anh G đã chủ động nhắn tin, gọi điện cho T đề nghị không được xâm hại đến cháu D và hứa đi gom tiền trả nợ cho T.

Sau khi nhận tin nhắn anh G gửi lại, T mở cửa bước ra ngồi ở hành lang trước cửa phòng ngủ của vợ chồng anh G để chờ G về trả tiền. Lúc này ở trong nhà dưới tầng 1, cháu S chạy ra nói với bà M biết sự việc T cầm dao, bà M biết sự việc T cầm dao dọa cháu D ở tầng 3, gọi ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 (bố đẻ anh G); ông B, bà M lo sợ không dám lên tầng 3 mà chỉ đứng tầng 2 nói với lên tầng

3 để khuyên nhủ T xuống nhà nói chuyện, không gây hại cho cháu D, nhưng T đề nghị gọi anh G về trả tiền, khi ông B nói sẽ báo công an thì T thách thức việc trình báo. Ông B gọi điện nhờ anh Trần Đăng H, sinh năm 1987, tại thôn X, xã Đ đến khuyên ngăn T. Khi anh H đến thấy T đang cầm dao ngồi ở cầu thang, do quen biết từ trước nên anh H đến khuyên nhủ thì T đồng ý đi xuống và vứt con dao tại ô thoáng tầng 2. Khi T đi xuống tầng 1 bị lực lượng Công an khống chế, lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 dao bầu dài 35cm, chuôi gỗ, lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax vỏ màu trắng, kèm theo sim số 0988409193, cũ đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu xanh nước biển, kèm theo sim số 0988642958, cũ đã qua sử dụng.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR110, màu bạc, số máy: WH150MH-07R-03448, số khung: LWBTDH10371004326, BKS: 16M5-8614.

Ngày 17/8/2023, Cơ quan điều tra tiến hành rà soát, sao lưu thu giữ 02 đoạn videos, trong đó có:

+ 01 đoạn video ghi lại diễn biến bị can Bùi Ngọc T điều khiển xe mô tô đến nhà ông Nguyễn Văn B và đi vào trong nhà.

+ 01 đoạn video ghi lại việc bị can Bùi Ngọc T ra khỏi nhà ông B và bị lực lượng Công an bắt giữ.

Ngày 18/8/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện C đã Quyết định trưng cầu giám định Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội, nhưng Phòng kỹ thuật hình sự có công văn phúc đáp từ chối giám định do đơn vị không đáp ứng được yêu cầu giám định (lưu giữ trong hồ sơ vụ án), nên không Cơ quan điều tra lưu giữ chuyển theo hồ sơ vụ án.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện C đã xác minh chủ sở hữu phương tiện xe mô tô BKS: 16M6-8614 đăng ký xe mang tên Phạm Thị Y (SN 1962, tại phường H, quận L, Hải Phòng). Bà Y xác nhận có đăng ký chính chủ chiếc xe trên nhưng sau đó đã bán chiếc xe mô tô trên từ lâu, không nhớ rõ bán cho ai, ở đâu, bà Y không bị mất trộm. Do vậy, xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của Bùi Ngọc T.

* Về trách nhiệm dân sự: Bùi Ngọc T đe dọa cháu Nguyễn Khánh D, nhưng không gây thương tích gì cho cháu D. Đại diện gia đình cháu D là anh Nguyễn

Văn G không yêu cầu T phải bồi thường thiệt hại. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 146/CT-VKS-CM ngày 06/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T, ra trước Tòa án nhân dân huyện C để xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 165/2023/HSST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hà Nội quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 170, Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2023.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2024 bị cáo Bùi Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày: Bị cáo cho bị hại vay tiền nhiều lần, không lấy lãi tổng số cho vay là 300 triệu đồng; sau khi cho vay bị cáo đã đòi nhiều lần nhưng bị hại không trả; khi bố bị cáo bị bệnh ung thư lâu, bị cáo gặp và điện thoại cho bị hại nhiều lần nhưng bị hại không trả và không nghe điện thoại nên bị cáo bức xúc mới thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích để bị hại trả tiền để có tiền chữa bệnh cho bố bị cáo; đến nay bố bị cáo bị bệnh đã chết và bị hại cũng chưa trả tiền cho bị cáo và gia đình. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo phải nuôi mẹ già yếu nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Bị cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 165/2023/HSST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện C,

Thành phố Hà Nội. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170, Điều 38; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T từ 03 đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2023.

Luật sư Bùi Tiến Soạn và luật sư Nguyễn Văn Thông bào chữa cho bị cáo trình bày: Đồng ý với tội danh cấp sơ thẩm đã xét xử nhưng mức hình phạt áp dụng với bị cáo Bùi Ngọc T là quá nặng. Nguyên nhân bị cáo phạm tội xuất phát từ lỗi của bị hại không trả nợ cho bị cáo; Trong quá trình điều tra và tại cấp phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối lỗi; Bị cáo có hành vi đe dọa cháu D nhưng không gây ra thiệt hại cho ai; Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại cấp phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo nhất trí với luận cứ của luật sư bào chữa, không tham gia tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm về trình tự, thủ tục và thẩm quyền đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, bị hại anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Bùi Ngọc T bức tức vì không đòi được nợ, gọi điện thoại thì anh Nguyễn Văn G tắt máy. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/7/2023, bị cáo T mang theo 01 con dao bầu đi đến nhà anh Nguyễn Văn G nhằm đe dọa buộc anh G phải trả nợ. T đã quay video cảnh cầm dao đe dọa, khống chế cháu Nguyễn Khánh D,

sinh ngày 07/4/2014 (lúc đó cháu D mới hơn 09 tuổi) và gửi hình ảnh qua zalo cho anh G, chị Th nhằm mục đích uy hiếp, đe dọa tinh thần buộc anh G phải hứa về nhà gặp để trả nợ số tiền 300.000.000 đồng cho bị cáo T, thì bị Công an xã Đ bắt.

Với hành vi trên, Bản án sơ thẩm đã xử bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; tại phiên sơ thẩm và phúc thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chỉ nhằm mục đích đe dọa bị hại, để bị hại trả tiền; không có ý định gây hại đến cháu D, không có hình động quyết liệt; bị cáo thực hiện hành vi nhưng chưa gây ra thiệt hại quyền tài sản, gây hại không đáng kể về quyền nhân thân; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Căn cứ tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo vẫn đảm bảo giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện sự nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

I. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc T.

II. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 165/2023/HSST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hà Nội.

Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 170, Điều 38, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Bùi Ngọc T 5 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2023.

Bị cáo Bùi Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Thành phố Hà Nội;
- Tòa án và VKS huyện C ;
- Chi cục THA huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phong